

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013 ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3646A/QĐ-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng, lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Cao Bằng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành chính mới được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng (Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính không nêu trong Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 3646A/QĐ-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng, lưu thông hàng hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT, TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, KSTT (M).

Bản ĐT

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH CAO BẰNG**

*(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ được hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công Cao Bằng Địa chỉ: Đường Đình Hoàng Giông, Phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ <b>10</b> ngày xuống <b>08</b> ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công Cao Bằng Địa chỉ: Đường Đình Giông, Phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	2.200.000 đồng/lần thăm định/hồ sơ	BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng Địa chỉ: Đường Đình Hoàng Giông, Phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Thương; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày.
4	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính	- Khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh	Thương; - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh Cao Bằng Địa chỉ: Đường Đình Hoàng Giông, phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày
6	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ	Trung tâm phục vụ hành	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	- Khu vực thành phố: 1.200.000	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Nội dung sửa đổi, bổ sung:



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		ngày nhận hồ sơ được hợp lệ	chính tỉnh Cao Bằng Địa chỉ: Đường Hoàng Đình Giông, Phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày
7	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh Cao Bằng Địa chỉ: Đường Hoàng Đình Giông, Phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ được hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh Cao Bằng Địa chỉ: Đường Đình Hoàng, phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày
9	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ được hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh Cao Bằng Địa chỉ: Đường Đình Hoàng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ	- Khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực huyện: 600.000	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Giông, phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	bưu chính công ích.	đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương;</li> <li>Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương;</li> <li>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	

### B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN ( 03 TTHC )

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</li> <li>Khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;</li> <li>Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai.</li> <li>Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày</li> </ul>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực huyện:	Thông tư số 28/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Mẫu đơn, tờ khai. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	doanh thuốc lá	xuống 10 ngày

**Công bố:**

**12 TTHC**

**Trong đó:**

- TTHC cấp tỉnh: 09 TTHC
- TTHC cấp huyện: 03 TTHC
- Cắt giảm thời hạn giải quyết: 12 TTHC
- TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích: 12 TTHC